

TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

Số -NQ/TU
Dự thảo**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030
về phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh đến năm 2030,
định hướng đến năm 2035

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Tỉnh Quảng Ngãi sau khi hợp nhất sở hữu vị thế địa chiến lược đặc thù “Biển - Đồng bằng - Cao nguyên” với hệ sinh thái rừng phong phú, đa dạng. Tài nguyên rừng đã trở thành thành phần cốt lõi trong cấu trúc phát triển bền vững, không chỉ tạo không gian quan trọng cho phát triển kinh tế xanh, nhất là phát triển du lịch sinh thái, kinh tế rừng, dịch vụ môi trường rừng và thị trường các-bon rừng mà còn đóng vai trò then chốt trong việc giữ vững an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội vùng biên giới, hải đảo.

Giai đoạn 2020 - 2025, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng có nhiều chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả nổi bật: Toàn tỉnh đã thực hiện trồng rừng tập trung đạt 160.908 ha, trồng 37 triệu cây phân tán, khoanh nuôi phục hồi 6.589,16 ha rừng, nuôi dưỡng làm giàu 420,2 ha rừng; độ che phủ rừng đến năm 2025 đạt 59,45%; khả năng phòng hộ đầu nguồn được tăng cường; bảo tồn môi trường sinh thái và đa dạng sinh học. Kinh tế lâm nghiệp chuyển dịch tích cực sang hướng nâng cao giá trị gia tăng với tổng sản lượng gỗ khai thác đạt 15,7 triệu m³, diện tích rừng có trồng Sâm Ngọc Linh đạt 3.228 ha. Tổng nguồn lực huy động cho phát triển lâm nghiệp đạt hơn 14.685 tỷ đồng. Ngành lâm nghiệp có bước phát triển, đóng góp ngày càng rõ hơn vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Tuy nhiên, phát triển lâm nghiệp của tỉnh vẫn còn những tồn tại, hạn chế: diện tích rừng suy giảm, chất lượng rừng chưa cao; giá trị gia tăng từ lâm nghiệp còn thấp; liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ lâm sản chưa bền vững; công tác quản lý, bảo vệ rừng còn tiềm ẩn nguy cơ rủi ro về tình trạng lấn chiếm đất lâm nghiệp, khai thác gỗ trái phép, thiên tai, cháy rừng; nguồn lực đầu tư cho lâm nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; tăng trưởng ngành lâm nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; việc tạo sinh kế cho người dân sống gần rừng còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do công tác lãnh đạo, chỉ đạo về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, theo dõi, cập nhật diễn biến rừng ở một số địa phương, đơn vị chủ rừng chưa thật sự quyết liệt; nhận thức của một bộ phận người dân đối với việc

bảo vệ, khai thác bền vững tài nguyên rừng còn hạn chế; những vướng mắc liên quan đến đất lâm nghiệp, mô hình hoạt động của các công ty lâm nghiệp chậm được tháo gỡ; nguồn lực đầu tư và các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển lâm nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu.

Trong bối cảnh thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; yêu cầu phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; cùng với việc Trung ương ban hành nhiều chính sách mới liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, môi trường, các-bon rừng, thuê môi trường rừng để phát triển được liệu, việc ban hành Nghị quyết về phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 là cần thiết, nhằm tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo chuyển biến mạnh mẽ hơn trong phát triển lâm nghiệp của tỉnh trong thời gian tới.

II. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển lâm nghiệp bền vững, đa giá trị và hiện đại hóa ngành lâm nghiệp theo cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế, phù hợp với xu thế phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn và yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu. Huy động, quản lý, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư để phát triển nhanh và bền vững ngành lâm nghiệp; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị; bảo đảm sự thống nhất giữa quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng tài nguyên rừng.

2. Chú trọng nâng cao hiệu quả kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, cung cấp đa dạng dịch vụ hệ sinh thái rừng; phát triển lâm nghiệp phải góp phần cải thiện sinh kế, nâng cao đời sống người dân, nhất là người dân sống gần rừng, đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Phát triển lâm nghiệp của tỉnh thành ngành kinh tế - kỹ thuật hiện đại, có đóng góp ngày càng cao cho tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP). Định hướng đến năm 2035, ngành lâm nghiệp của tỉnh có sức cạnh tranh cao, tạo ra sản phẩm và dịch vụ đa dạng, giá trị gia tăng cao, tham gia trong chuỗi cung ứng giá trị lâm sản quốc gia.

2. Chỉ tiêu

a) Chỉ tiêu đến năm 2030

- Tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh đạt **60%**.

- Giai đoạn 2026 - 2030, trồng mới **135.000** ha rừng tập trung (trong đó trồng lại rừng sau khai thác 134.000 ha; trồng mới rừng phòng hộ, rừng đặc dụng 1.000 ha); trồng **40** triệu cây phân tán; khoanh nuôi phục hồi rừng (khoanh nuôi mới và

chuyển tiếp) **3.000** ha; nuôi dưỡng làm giàu rừng **1.000** ha; phát triển lâm sản ngoài gỗ **2.500** ha; giải quyết việc làm cho khoảng **40.000** lao động/năm.

- **100%** diện tích rừng có chủ quản lý theo quy định của Luật Lâm nghiệp; cho thuê đất gắn thuê rừng, thuê môi trường rừng khoảng **50.000** ha để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội; diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) khoảng **40.000** ha.

- Phân đầu đến năm 2030 ngành lâm nghiệp giảm phát thải **1,129 triệu** tấn các-bon, hấp thụ và lưu giữ khoảng **10 triệu** tấn các-bon.

- Giai đoạn 2026 – 2030, khai thác và chế biến **13,4 triệu** m³ gỗ thành các sản phẩm có giá trị kinh tế cao.

- Ngành công nghiệp chế biến gỗ của tỉnh cơ bản hiện đại, đủ năng lực về công nghệ tham gia hội nhập thị trường trong nước và quốc tế; thu hút thêm ít nhất **01** nhà máy chế biến gỗ công suất trên **50.000** m³/năm.

- Giai đoạn 2026 – 2030, huy động khoảng **19.000** tỷ đồng để tập trung phát triển ngành lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, duy trì tốc độ tăng trưởng khoảng **6%**, đóng góp của ngành lâm nghiệp vào GRDP của tỉnh đến năm 2030 đạt khoảng **7%**.

b) Chỉ tiêu đến năm 2035

- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh đạt **60%**, tập trung nâng cao chất lượng rừng.

- Hình thành vùng rừng trồng nguyên liệu tập trung có chất lượng, đáp ứng nhu cầu cho công nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh.

- Đóng góp của ngành lâm nghiệp vào GRDP của tỉnh đến năm 2035 đạt khoảng **10%**.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững

Quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về công tác quản lý, bảo vệ rừng, phát triển lâm nghiệp bền vững bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, tạo sự thống nhất, đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện.

Thường xuyên xây dựng các phóng sự, bài viết đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng về kết quả thực hiện chủ trương phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh gắn với tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội trong phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững

Kiến toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả cơ quan quản lý nhà nước ngành lâm nghiệp. Nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Xác định công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, nhất là vai trò, trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa chính quyền địa phương, chủ rừng, lực lượng kiểm lâm, công an, quân đội, cộng đồng dân cư trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Đẩy mạnh điều tra, xử lý nghiêm các vụ việc, vụ án về lĩnh vực lâm nghiệp. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm tổ chức đảng, đảng viên vi phạm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

Tiếp tục nghiên cứu sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên phù hợp với quy định và tình hình thực tế. Hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các công ty lâm nghiệp vốn nhà nước, các ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng theo quy định. Đẩy mạnh việc liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh để phát triển kinh tế lâm nghiệp.

Đẩy nhanh tiến độ điều tra kiểm kê rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp, phân định diện tích 03 loại rừng tích hợp vào Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia. Phân định rõ ranh giới của các chủ rừng, rà soát đưa diện tích xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông ra khỏi quy hoạch lâm nghiệp không để phát sinh chồng lấn, lấn chiếm mới.

Giám sát diễn biến rừng trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyên đổi số nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, đồng bộ để phục vụ công tác quản lý, quy hoạch và phát triển sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp, cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Quản lý, giám sát chặt chẽ các dự án đầu tư có chuyên mục đích sử dụng rừng; các dự án có giao rừng, cho thuê rừng, thuê môi trường rừng; các dự án lâm nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước để xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật, tránh thất thoát vốn đầu tư.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước và theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, thanh tra đối với các hoạt động về lâm nghiệp, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong việc quản lý, đầu tư, phát triển, chế biến, tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp, nhất là hoạt động kinh doanh gỗ và lâm sản. Tăng cường quản lý, bảo vệ diện tích rừng hiện có, trọng tâm là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Lâm

nghiệp, giảm nhanh trên cả 03 tiêu chí số vụ, khối lượng gỗ vi phạm và diện tích rừng bị thiệt hại.

Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong công tác tư vấn, phản biện, giám sát, bảo vệ quyền lợi chính đáng của các bên liên quan quá trình xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các quy định, chính sách về đầu tư, phát triển lâm nghiệp. Triển khai các cuộc vận động, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia sản xuất lâm nghiệp.

3. Nâng cao hiệu quả thực hiện các cơ chế, chính sách về lâm nghiệp

Tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương về lâm nghiệp; nghiên cứu ban hành chính sách đặc thù của địa phương phù hợp với điều kiện thực tiễn. Thực hiện tốt chính sách khoán bảo vệ rừng và phát triển rừng gắn với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân, cộng đồng dân cư.

Nghiên cứu tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách mới như: Chính sách thúc đẩy xã hội hóa lâm nghiệp, phát triển lâm nghiệp cộng đồng, chính sách cung ứng tín chỉ cac-bon rừng; thí điểm thực hiện chính sách bảo hiểm trong lâm nghiệp, nhất là bảo hiểm rừng trồng; cơ chế thực hiện Hiệp định Đối tác tự nguyện về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (Hiệp định VPA/FLEGT Việt Nam-EU); Quy định chống phá rừng của EU (EUDR)...

Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Lâm nghiệp, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung những quy định còn bất cập, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với các luật liên quan và các điều ước quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển lâm nghiệp bền vững. Tập trung hoàn thiện chính sách về đất đai, trồng rừng và vốn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ gia đình sử dụng đất hiệu quả và tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi để phát triển lâm nghiệp.

4. Tập trung phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng bền vững

Xây dựng, triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển ngành lâm nghiệp, trọng tâm là Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh. Tập trung thu hút đầu tư trong lĩnh vực kinh tế lâm nghiệp, nhất là thu hút các mô hình nông - lâm kết hợp, trồng rừng, trồng dược liệu dưới tán rừng, đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến gỗ, phát triển du lịch sinh thái.

Nghiên cứu, lựa chọn, phát triển mạnh các mô hình kinh tế tập thể, kinh tế hộ gia đình trong lâm nghiệp, thúc đẩy liên kết với các thành phần kinh tế khác để nâng cao giá trị hàng hóa lâm sản. Thúc đẩy, hỗ trợ thực hiện mô hình liên kết “06 nhà” (Nhà nước, Nông dân, Nhà khoa học, Doanh nghiệp, Ngân hàng, Nhà phân phối) trong chuỗi sản xuất lâm nghiệp.

Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ phát triển kinh tế lâm nghiệp nhất

là hạ tầng khu, cụm công nghiệp, logistics, kho bãi phục vụ phát triển sản xuất, bảo quản và chế biến lâm sản.

Tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế về lâm nghiệp, tham gia tích cực và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức lâm nghiệp quốc tế, khu vực, doanh nghiệp để triển khai các chương trình, dự án, hoạt động tăng cường năng lực, chuyển giao, hợp tác trong lĩnh vực lâm nghiệp. Phát triển thị trường lâm sản, chủ động tham gia chuỗi cung ứng lâm sản toàn cầu. Tăng cường tổ chức hội nghị, hội thảo về lâm nghiệp để quảng bá giá trị lâm sản của tỉnh, đồng thời kết nối giữa nghiên cứu, sản xuất và tiêu dùng.

Tập trung nguồn lực, chỉ đạo quyết liệt việc trồng rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng trên diện tích rừng suy giảm qua các thời kỳ, chuyển đổi kinh doanh gỗ nguyên liệu sang kinh doanh rừng trồng gỗ lớn để đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 – 2030. Lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 để hỗ trợ người dân trồng rừng sản xuất.

5. Bố trí, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành lâm nghiệp

Lồng ghép, bố trí, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư cho ngành lâm nghiệp và tiền dịch vụ môi trường rừng. Tiếp tục nghiên cứu mở rộng các nguồn thu cho ngành lâm nghiệp từ du lịch sinh thái, dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon từ rừng...

Tăng cường xã hội hóa, vận động, huy động các nguồn đầu tư, tài trợ, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước vào lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

6. Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lâm nghiệp

- Nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, công nghệ thông tin trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị ngành lâm nghiệp. Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn ISO cho ngành lâm nghiệp để quản lý, giám sát chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Thực hiện số hóa trong các hoạt động lâm nghiệp.

- Nghiên cứu ứng dụng nuôi cấy mô, chọn giống ưu trội, bảo tồn nguồn gen quý. Ứng dụng internet vạn vật (IoT) để theo dõi đất, độ ẩm, dinh dưỡng, vi khí hậu vườn ươm cây giống lâm nghiệp; nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo kết hợp với dữ liệu lớn (AI/Big Data) để dự báo sinh trưởng, sâu bệnh, năng suất nhằm giảm rủi ro đầu tư. Xây dựng bản đồ số vùng trồng (GIS) gắn mã vùng trồng. Ứng dụng công nghệ QR code/Blockchain lưu trữ toàn bộ dữ liệu chuỗi giá trị từ giống, trồng, khai thác, chế biến, phân phối.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết này trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với điều kiện

thực tiễn của ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành các đề án, cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch với lộ trình, kết quả và phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân có liên quan; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy tham mưu phổ biến, quán triệt Nghị quyết; chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến đến Chi bộ.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư (báo cáo);
- Các ban đảng TW và các vụ địa phương (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đảng ủy: Các cơ quan Đảng tỉnh, UBND tỉnh, Quân sự tỉnh, Công an tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy;
- Đảng ủy MTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- VPTU: CVP, PCVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY